

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2019.

V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Tôn - Kiểm sát viên.

Ngày 07/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2019/DSST-HNGĐ ngày 09/4/2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐST-DS ngày 14/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Ngô T D, sinh năm 1984 (có mặt).

HKTT: H Q, T G, T S, Bắc Ninh.

- Bị đơn: Chị Nguyễn T Y, sinh năm 1989 (có mặt).

HKTT: X B, T L, T G, T S, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Ngô T D trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn T Y, sinh năm 1989; HKTT: X B, thôn T L, xã T G, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào ngày 18 tháng 11 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 11 năm 2016 thì vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, gia đình không

hạnh phúc. Vợ chồng anh sống ly thân từ 24/12/2016 âm lịch cho đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị Y và không thể tiếp tục chung sống nên anh xin ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô T C, sinh ngày 07/8/2014 hiện đang ở với anh D và cháu Ngô H T, sinh ngày 02/11/2016 đang ở với chị Y. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để cho anh nuôi cháu Chung, để chị Y nuôi cháu Thu. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn T Y trình bày:

Chị kết hôn với anh Ngô T D, sinh năm 1984; HKTT: H Q, T G, T S, Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào ngày 18 tháng 11 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ 24/12/2016 âm lịch cho đến nay. Nay anh D xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị vẫn còn tình cảm với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô T C, sinh ngày 07/8/2014 hiện đang ở với anh D và cháu Ngô H T, sinh ngày 02/11/2016 đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị nuôi cả hai con chung, nếu không được thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu Chung đến khi cháu khỏe thì để anh D nuôi, chị xin nuôi cháu Thu. Vấn đề đóng góp phí tổn nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải xong hai bên vẫn giữ nguyên quan điểm nên phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Ngô T D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị Nguyễn T Y vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như trình bày ở trên.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T S phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô T D.

Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô T C cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Ngô H T cho chị Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề đóng góp phí tổn không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra, công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn là chị Nguyễn T Y có địa chỉ tại X B, T L, T S, Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Anh Ngô T D và chị Nguyễn T Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T G vào ngày 18 tháng 11 năm 2013. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau, gia đình không hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 24/12/2016 âm lịch cho đến nay. Nay anh Ngô T D xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Phía chị Nguyễn T Y trình bày vào khoảng cuối năm 2016 thì vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng chị sống ly thân từ 24/12/2016 âm lịch cho đến nay. Tuy nhiên chị xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh D xin ly hôn, chị không đồng ý ly hôn mà để vợ chồng về đoàn tụ để chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ngô T D và chị Nguyễn T Y đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 24/12/2016 âm lịch đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ, phía chị Nguyễn T Y xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị Y không có phương án nào hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, hôn nhân thực tế không tồn tại do hai bên đã sống ly thân, phía anh Ngô T D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị Y, nên HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình cho anh D được ly hôn với chị Y là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Ngô T C, sinh ngày 07/8/2014 hiện đang ở với anh D và cháu Ngô H T, sinh ngày 02/11/2016 đang ở với chị Y. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía anh D đề nghị nếu ly hôn anh xin được nuôi cháu Ngô T C, để chị Y nuôi cháu Th; phía chị Y xin nuôi cháu Ch đến khi nào cháu khỏe thì để anh D trực tiếp nuôi, chị xin nuôi cháu Th. Anh D và chị Y đều không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con chung phải đóng góp

phí tổn nuôi con. Xét yêu cầu về con chung của anh D và chị Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi anh D và chị Y ly thân từ ngày 24/12/2016 âm lịch cho đến nay thì cháu Ngô T C vẫn đang được anh D nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu Ngô H T vẫn đang được chị Y nuôi dưỡng, chăm sóc. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu Ch và cháu Th, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh D và giao cháu Ngô T C cho anh D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Ngô H T cho chị Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng anh D, chị Y cùng các thành viên gia đình anh, chị phải tạo điều kiện cho chị Y, anh D cùng các thành viên gia đình đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Tại phiên tòa hôm nay cả anh D và chị Y không yêu cầu phải cấp dưỡng, đóng góp phí tổn nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ: Anh D, chị Y tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Do anh Ngô T D yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô T D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô T D được ly hôn với chị Nguyễn T Y.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ngô T C, sinh ngày 07/8/2014 cho anh Ngô T D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; giao con chung là cháu Ngô H T, sinh ngày 02/11/2016 cho chị Nguyễn T Y tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Ngô T D và chị Nguyễn T Y không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Anh Ngô T D cùng các thành viên gia đình, chị Nguyễn T Y cùng các thành viên gia đình được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Ngô T D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0002104 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

Anh D, chị Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND TX T S;
- Chi cục THADS TX T S;
- Các đương sự;
- L- u HS, VP;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Hà